

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và
Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy
ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và
sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1467/2019/TLST-HNGĐ
ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa
thuận về việc nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. **Chị Huỳnh Ngọc H**, sinh năm 1983; địa chỉ thường trú và cư trú: Số
K, T, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

2. **Anh Lê Hoàng H**, sinh năm 1981, địa chỉ thường trú và cư trú: Số A,
Khu phố 1, phường Q, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 10 tháng 6 năm 2019, anh Lê Hoàng H, chị Huỳnh Ngọc H có đơn
yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về việc nuôi con chung.
Quá trình vận động hòa giải, anh H, chị H thống nhất không hòa giải đoàn tụ.
Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không
thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 19 tháng 7 năm 2019. Anh H cư
trú tại phường Q, chị H cư trú tại phường B thuộc thành phố Biên Hòa, tỉnh
Đồng Nai và đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Do đó, đơn yêu
cầu của anh H, chị H được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải
quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Anh Lê Hoàng H, chị Huỳnh Ngọc H chung sống với nhau tự nguyện, có

đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 171/KH, quyển số 01/2007, ngày 21/11/2007. Anh H, chị H xác định có một con chung là cháu Lê Hoàng H, sinh ngày 09/9/2008. Anh, chị thỏa thuận giao cháu H cho chị H nuôi dưỡng. Tạm thời anh H cấp dưỡng nuôi con chung 3.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2019. Anh H, chị H tự thỏa thuận chia tài sản chung và xác định không nợ chung.

Trong quá trình chung sống, anh chị thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Anh H, chị H xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

Xét thấy anh H, chị H thực sự tự nguyện ly hôn. đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con; sự thỏa thuận của anh H, chị H đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ con, phù hợp nguyện vọng của cháu Hải. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của anh H, chị H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Lê Hoàng H và chị Huỳnh Ngọc H.

- Về con chung: Anh Lê Hoàng H và chị Huỳnh Ngọc H xác định có 01 (một) con chung là cháu Lê Hoàng H, sinh ngày 09/9/2008. Anh H, chị H thỏa thuận giao cháu Hải cho chị H nuôi dưỡng; tạm thời anh H cấp dưỡng nuôi con chung 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2019.

Anh H, chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi

suất quy định tại Điều 357 và Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung: Anh H và chị H tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Anh H và chị H khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Hoàng H, chị Huỳnh Ngọc H mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0008485 ngày 19/6/2019 của Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, anh H và chị H đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường Q, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Huệ